

Số: 1179 /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án Phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai tại Đại học Kinh tế Quốc dân

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-BGDĐT ngày 12/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-ĐHKTQD-HĐĐH ngày 27/12/2024 của Hội đồng Đại học ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 678/KH-ĐHKTQD ngày 01/4/2025 của Giám đốc về việc nghiên cứu xây dựng Đề án Phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 247/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/4/2025 của Giám đốc về việc thành lập tổ công tác nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai tại ĐHKQTQD.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Đề án Phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai tại Đại học Kinh tế quốc dân. (có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho Phòng Quản lý đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Đề án đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Đại học.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng Khoa Ngoại ngữ kinh tế, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ kinh tế, các đơn vị, cán bộ viên chức, người học của Đại học Kinh tế Quốc dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: 

- Đảng ủy, HĐ Đại học (để b/c);
- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



GS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN TIẾNG ANH TRỞ THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TẠI ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/7/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế quốc dân)

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức;
- Quyết định số 1400/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường năng lực ngoại ngữ cho người học, học viên các trường đại học, cao đẳng" giai đoạn 2018–2025;
- Kết luận số 91-KT/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ và đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường;
- Quyết định số 55/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân về việc giao kế hoạch công việc năm 2025;
- Quyết định số 82/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/01/2025 của Giám đốc Đại học về việc ban hành nhiệm vụ trọng tâm năm 2025;
- Kế hoạch số 678/KH-ĐHKTQD ngày 1/4/2025 về việc nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 tại Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục đại học, phân biệt ngôn ngữ hai và ngoại ngữ

Trong Ngôn ngữ học ứng dụng, “ngôn ngữ thứ hai” là ngôn ngữ được sử dụng trong phạm vi một cộng đồng hoặc hệ thống xã hội, bên cạnh ngôn ngữ mẹ đẻ nhưng không thay thế ngôn ngữ mẹ đẻ. Khái niệm này được phân biệt rõ ràng với “ngoại ngữ” (foreign language), vốn chủ yếu chỉ được học như một môn học, không có vai trò thiết thực trong sinh hoạt hay hoạt động chuyên môn.

Trong bối cảnh giáo dục đại học, ngôn ngữ thứ hai được hiểu là ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, quản trị đại học và giao tiếp học thuật nội bộ, chứ không chỉ giới hạn ở các môn ngoại ngữ.

Như đã được phân tích trong các nghiên cứu của Coleman (2006), Dearden (2014) đều nhấn mạnh rằng khi một cơ sở giáo dục sử dụng một ngôn ngữ khác ngoài ngôn ngữ quốc gia (ở đây là tiếng Việt) một cách có hệ thống trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, xuất bản học thuật, và vận hành tổ chức – thì ngôn ngữ đó đang tiệm cận vai trò của ngôn ngữ thứ hai trong hệ thống giáo dục.

Phân biệt	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục đại học
Mức độ sử dụng	Hạn chế trong lớp học	Rộng rãi trong giảng dạy, nghiên cứu, hành chính
Mục tiêu sử dụng	Giao tiếp cơ bản	Giao tiếp học thuật và chuyên môn
Môi trường sử dụng	Không thường xuyên	Thường xuyên, có hệ sinh thái hỗ trợ
Hình thức triển khai	Dạy như môn học riêng lẻ	Tích hợp vào chương trình và vận hành đại học
Tính học thuật	Thấp	Cao – phục vụ xuất bản, hội thảo, đào tạo quốc tế

2.2. Khái niệm đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục đại học

Trong ngôn ngữ học ứng dụng, “đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai” tại một cơ sở giáo dục đại học không chỉ đơn thuần là “dạy thêm tiếng Anh” mà là một quá trình chuyển đổi hệ thống ngôn ngữ theo hướng bình đẳng học thuật: tiếng Anh song hành cùng tiếng mẹ đẻ trong mọi hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và giao tiếp chuyên môn.

Một ngôn ngữ được coi là ngôn ngữ thứ hai trong cơ sở giáo dục đại học khi nó có quyền ngang hàng với ngôn ngữ thứ nhất trong bố cục tổ chức của Đại học – tức là được trao cùng mức “chính danh” trong văn bản chính sách, chương trình đào tạo và hệ thống đánh giá học tập. Ở cấp độ định chế, điều này thể hiện qua việc tiếng Anh xuất hiện trong văn bản quy định (quy định chuẩn đầu ra, quy trình nghiệm thu luận văn, báo cáo nghiên cứu...) chứ không chỉ là “môn học ngoại ngữ” tách biệt.

Theo đó, để được coi là “ngôn ngữ thứ hai” trong bối cảnh đại học, tiếng Anh cần hội đủ các điều kiện sau:

- Được sử dụng như ngôn ngữ giảng dạy chính thức trong một phần hoặc toàn bộ chương trình đào tạo (EMI – English as a Medium of Instruction);
- Được sử dụng trong nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế;
- Xuất hiện thường xuyên trong các tài liệu nội bộ, hội thảo, diễn đàn chuyên môn, và trong các công cụ quản trị đại học;
- Có hệ thống kiểm định chất lượng, chuẩn đầu ra, và đào tạo năng lực sử dụng ngang hàng với các tiêu chí học thuật cốt lõi khác (ví dụ như năng lực chuyên môn, kỹ năng tư duy phản biện...).

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Thực tiễn mô hình triển khai tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trong môi trường đại học

- Tại Việt Nam, một số trường Đại học đã tiên phong sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ giảng dạy chính và làm việc vận hành như đại học quốc tế (Đại học RMIT Việt Nam, British University Vietnam – BUV, Vin University); Một số đại học tư thục

triển khai dạy-học bằng tiếng Anh toàn diện theo mô hình hợp tác quốc tế (Đại học Fulbright Việt Nam, Đại học Quốc tế - ĐHQG TP.HCM, Đại học Việt-Đức, Đại học Khoa học & Công nghệ Hà Nội (USTH)...).

- Ở khu vực châu Á, nhiều quốc gia đã sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ chính thức trong giáo dục đại học, kể cả tại những nước không dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ như Singapore (Toàn bộ các đại học công lập như NUS, NTU); Hong Kong (Các trường như HKU, CityU; Nhật Bản (Các đại học như Akita International University (AIU) và Ritsumeikan APU); Các đại học tại Philippines, Malaysia, UAE... cũng đã xây dựng thành công môi trường học thuật vận hành chủ yếu bằng tiếng Anh.

3.2. Thực trạng sử dụng tiếng Anh tại Đại học Kinh tế Quốc dân

3.2.1. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và kết quả đạt được

Từ năm 2012, Đại học Kinh tế quốc dân đã chủ động xây dựng và áp dụng hệ thống chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên đại học chính quy, xem đây là một trong những tiêu chí then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo khả năng hội nhập nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Việc thiết kế lộ trình nâng chuẩn đầu ra qua các giai đoạn được thực hiện có hệ thống, phản ánh quyết tâm của Đại học trong việc tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Cụ thể:

- Giai đoạn 2012–2017: Áp dụng chuẩn tiếng Anh đầu ra tương đương trình độ B1 (IELTS 4.5), tạo nền móng khởi đầu cho việc đồng bộ hóa yêu cầu ngoại ngữ trong đào tạo.
- Từ năm 2018: Chuẩn đầu ra được điều chỉnh tăng theo hướng phân hóa, phù hợp với đặc thù từng chương trình: B2 (IELTS 5.5) cho chương trình tiêu chuẩn; IELTS 6.0 cho chương trình chất lượng cao; IELTS 6.5 cho chương trình tiên tiến và liên kết quốc tế.
- Năm 2020: Ban hành Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD, hệ thống hóa chuẩn đầu ra theo khung chương trình, đồng thời đưa ra hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ.

Số liệu năm 2024 cho thấy một tín hiệu tích cực: khoảng 75% sinh viên trúng tuyển đã đạt chuẩn tiếng Anh ngay từ đầu vào. Điều này phản ánh rõ ràng xu hướng nâng cao năng lực ngoại ngữ trong học sinh THPT và cũng là kết quả của chính sách xét tuyển gắn với chứng chỉ quốc tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại thách thức đáng kể khi một bộ phận sinh viên, đặc biệt ở các ngành giảng dạy bằng tiếng Việt, chưa đạt chuẩn đúng tiến độ, đặt ra yêu cầu tăng cường hỗ trợ và điều chỉnh phương pháp giảng dạy trong quá trình đào tạo.

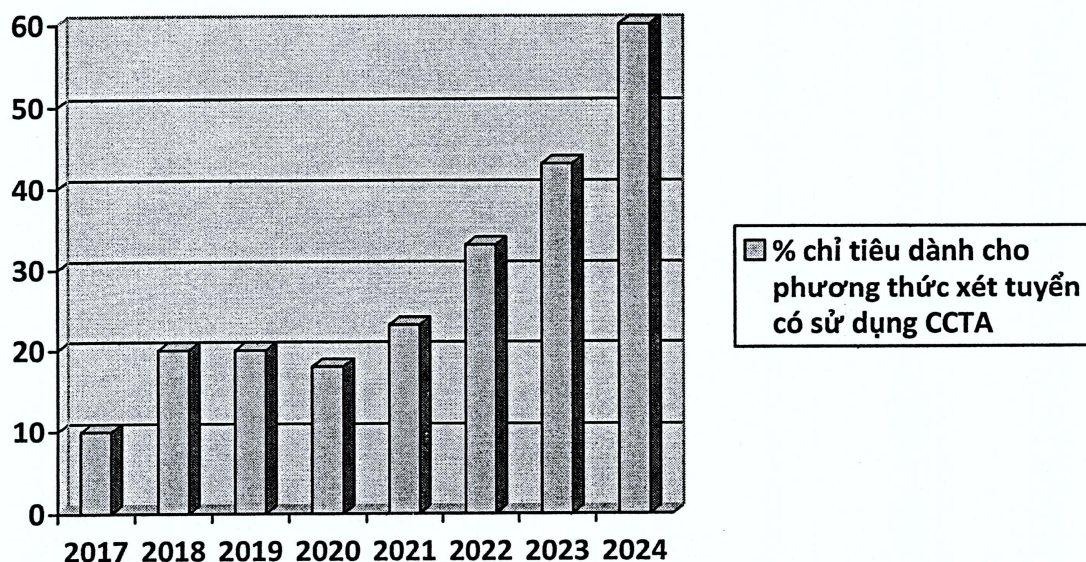
3.2.2. Tuyển sinh dựa trên chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Đại học Kinh tế quốc dân đặc biệt quan tâm đến những thí sinh có chứng chỉ quốc tế như SAT, ACT và những thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, TOEFL ITP, TOEFL iBT với định hướng nâng cao chuẩn đầu vào tiếng Anh cho sinh viên.

Năm 2017 lần đầu tiên, Đại học Kinh tế quốc dân tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp, Đại học đã chủ động đưa ra những tiêu chí để xét tuyển những thí sinh có chất lượng, cụ thể đối tượng là thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 22/06/2017) đạt IELTS 6.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 575 trở lên hoặc TOEFL iBT 90 trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2017 trừ bài thi Ngoại ngữ Tiếng Anh, đạt từ 15 điểm trở lên, trong đó có bài thi Toán. Đối tượng này được áp dụng cho đến năm 2019.

Năm 2020, Đại học Kinh tế quốc dân thay đổi điểm xét tuyển các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế là các thí sinh đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt **IELTS 5.5 trở lên** hoặc **TOEFL ITP 500** trở lên hoặc **TOEFL iBT 46** trở lên và có tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của 02 môn (Toán và 01 môn bất kỳ trừ môn Tiếng Anh) đạt từ **14 điểm** trở lên gồm điểm ưu tiên. Đồng thời, Đại học bắt đầu xét tuyển những Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế **SAT từ 1200 điểm** trở lên hoặc **ACT từ 26 điểm** trở lên và có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của tổ hợp bất kỳ trong các tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trở lên (dự kiến **18 điểm** gồm điểm ưu tiên). Với Mã đăng ký của ĐHKTDQD với tổ chức thi SAT (The College Board) là **7793-National Economics University** và ACT là **1767-National Economics University** (thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT và ACT).

Tỷ lệ chỉ tiêu dành cho nhóm các đối tượng sử dụng chứng chỉ quốc tế và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được Đại học kinh tế quốc dân dành tỷ lệ lớn và tăng đều qua các năm tuyển sinh



Với số lượng sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh được xét tuyển và vào học tại Đại học tăng lên giúp cho các sinh viên này có thể theo học được các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh tốt hơn và đảm bảo đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định của Trường.

A

Trong chiến lược nâng cao chất lượng tuyển sinh và thúc đẩy quốc tế hóa, từ năm 2017, ĐH KTQD triển khai phương thức xét tuyển kết hợp, ưu tiên thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như IELTS hoặc TOEFL. Phương thức này không chỉ thu hút nhóm học sinh có nền tảng ngoại ngữ tốt, mà còn tạo ra động lực lan tỏa trong toàn hệ thống giáo dục phổ thông. Theo đó:

- Giai đoạn đầu (2017–2019), nhà trường áp dụng ngưỡng xét tuyển tương đối cao: IELTS 6.5 hoặc TOEFL iBT 90 trở lên. Đây là mức điểm phổ biến đối với các chương trình quốc tế tại các đại học hàng đầu thế giới.
- Từ năm 2020 trở đi, để mở rộng đối tượng tiếp cận, ĐH KTQD điều chỉnh tiêu chí còn IELTS 5.5, đồng thời bổ sung các loại chứng chỉ học thuật như SAT, ACT. Điều này giúp tăng cường tính linh hoạt trong tuyển sinh, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào.

Chính sách này đã góp phần làm thay đổi cơ cấu trình độ ngoại ngữ của sinh viên ngay từ thời điểm nhập học, giúp tạo ra nền tảng thuận lợi cho triển khai các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cũng như hoạt động giao lưu học thuật quốc tế.

3.2.3. Phát triển chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh

Năm 2006, thời điểm Đại học KTQD chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tiếng Anh đã được định hướng giảng dạy như ngôn ngữ thứ hai, là môn học bắt buộc đã được đưa vào giảng dạy trong tất cả các chương trình đào tạo ĐHCQ tiêu chuẩn của Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ khóa 48 đến khóa 53, đối với các chương trình không chuyên, thời lượng giảng dạy học phần tiếng Anh là 18 tín chỉ, chia làm 4 học kỳ, phân loại sinh viên theo các trình độ. Riêng đối ngành Ngôn ngữ Anh thì thời lượng tiếng Anh chiếm tỷ trọng lớn trong CTĐT, ngoài tiếng Anh thì ngành Ngôn ngữ Anh còn đào tạo thêm các ngôn ngữ tiếng Pháp và tiếng Trung cho sinh viên.

Từ khóa 54 đến khóa 66, tiếng Anh là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương với tổng thời lượng là 9 tín chỉ, được giảng dạy trong 3 học kỳ, phân loại theo các trình độ tiếng Anh của sinh viên, bên cạnh đó sinh viên có thể sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để đổi điểm các học phần tiếng Anh trong CTĐT. Cùng với đó là trong nhiều CTĐT đã đưa môn học Tiếng Anh chuyên ngành vào giảng dạy để sinh viên vừa được nâng cao về tiếng Anh vừa được tiếp cận với thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ cho công việc sau này.

Trong giai đoạn từ 2012 đến nay, với nhiều sự thay đổi của công tác tuyển sinh (theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì chất lượng, cũng như trình độ tiếng Anh của sinh viên đã được nâng cao lên rất nhiều. Tỷ lệ sinh viên đầu vào đã có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế chiếm tỷ lệ cao trong tổng số sinh viên trúng tuyển vào trường.

A

Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh, các môn học bằng tiếng Anh trong CTĐT chiếm tỷ trọng khoảng 80%, ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn học 1 trong 2 ngôn ngữ là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung.

Từ khóa 59 đến nay, Đại học KTQD đã ban hành quy định áp dụng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với tất cả các CTĐT ĐHCQ, yêu cầu khi sinh viên tốt nghiệp phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS 5.0 hoặc tương đương trở lên.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển của Đại học Kinh tế Quốc dân, có thể thấy tiếng Anh đã, đang dần dần phát triển và đi vào CTĐT ĐHCQ như những học phần bình thường khác.

- + Ngành Ngôn ngữ Anh

- + Các ngành không chuyên

- Giảng dạy các môn học tiếng Anh trong CTĐT đặc thù

Năm 2008, Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép Đại học KTQD thí điểm đào tạo chương trình cử nhân ngành Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh (EBBA), đến 2014 được đào tạo chính thức theo QĐ số 3404 ngày 04/9/2014 của Bộ, chương trình do Viện Quản trị kinh doanh quản lý và tổ chức đào tạo.

Năm 2015, Trường xây dựng CTĐT Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (E-PMP, tuyển sinh từ khóa 57) theo QĐ số 109/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/01/2015, chương trình do Khoa Khoa học quản lý và tổ chức đào tạo.

Năm 2016, Trường ban hành bộ đề cương chi tiết học phần bằng Tiếng Anh, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy (800 học phần thuộc CTĐT) theo QĐ số 1380/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/8/2016.

Năm 2017, Trường ban hành quy định về CĐR ngoại ngữ (áp dụng từ khóa 59, tuyển sinh năm 2017) theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017.

Cũng trong năm 2017, Trường xây dựng CTĐT cử nhân Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW bằng tiếng Anh (tuyển sinh từ khóa 59). Chương trình do Viện Kế toán Kiểm toán quản lý và tổ chức đào tạo.

Năm 2018, Trường xây dựng CTĐT cử nhân Định phí bảo hiểm và QTRR bằng tiếng Anh (Actuary, tuyển sinh từ khóa 60) do Khoa Toán kinh tế quản lý và tổ chức đào tạo.

Xây dựng CTĐT cử nhân Quản trị điều hành thông minh bằng tiếng Anh (E-SOM) tuyển sinh từ khóa 60 thuộc Khoa Quản trị kinh doanh.

CTĐT cử nhân Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh (BBAE, tuyển sinh từ khóa 60) thuộc Viện Đào tạo quốc tế.

Năm 2019 là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của các CTĐT bằng tiếng Anh với tổng số 7 CTĐT đã được xây dựng, bao gồm: Kinh doanh số (E-BDB); Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (DSEB); Quản trị khách sạn quốc tế (IHME); Đầu tư

A

tài chính (BFI); Công nghệ tài chính (BFT); Quản trị chất lượng và đổi mới (E-QMI); Phân tích kinh doanh (BA) tuyển sinh từ khóa 61.

Năm 2020, Trường tiếp tục phát triển thêm 3 CTĐT bằng tiếng Anh, bao gồm: - Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (AUD-ICAEW); Kinh tế học tài chính (FE); Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC) tuyển sinh từ khóa 62.

Đến năm 2024, Trường xây dựng thêm 4 CTĐT bằng tiếng Anh, bao gồm: Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật phần mềm; Quản trị giải trí và sự kiện.

Số lượng các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh đã không ngừng tăng lên theo yêu cầu phát triển của trường, cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Trong các CTĐT bằng tiếng Anh, các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh chiếm tỷ trọng từ 50% trở lên.

Thực hiện theo quy định về việc rà soát, cải tiến chất lượng và cập nhật chương trình đào tạo thì việc xây dựng và phát triển các CTĐT bằng tiếng Anh tại ĐH KTQD được thực hiện theo lộ trình 2 năm/lần. Trong những đợt rà soát, cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT thì các CTĐT đã được cải tiến và nâng cao về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Tính đến năm 2024, ĐH KTQD đã phát triển được 25 CTĐT bằng tiếng Anh. Dự kiến giai đoạn 2025-2030 sẽ phát triển thành tổng số 35 CTĐT bằng tiếng Anh. Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 sẽ tăng tỷ trọng các CTĐT bằng tiếng Anh bằng 65%.

Trong các CTĐT bằng tiếng Anh, tỷ trọng các học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh chiếm tỷ lệ cao, từ 50% trở lên. Sinh viên của các CTĐT bằng tiếng Anh khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 hoặc tương đương trở lên.

3.2.4. Sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu khoa học

Tại Đại học Kinh tế Quốc dân, việc sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu khoa học đang từng bước được đẩy mạnh, thể hiện ở một số khía cạnh như sau:

- Công bố quốc tế: Trong giai đoạn 2020-2025, hoạt động công bố quốc tế (CBQT) đã có những thành tích vượt trội. Đại học đã có những chính sách hỗ trợ tác giả đăng bài trên tạp chí WoS, Scopus như thành lập các nhóm CBQT, nhóm CBQT chất lượng cao; gia tăng các mức khuyến khích đăng bài quốc tế, tổ chức các buổi seminar về phương pháp nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng công bố quốc tế... Tổng số bài báo trên các tạp chí ISI/Scopus là 300 bài, đạt gần 0,4 bài/1 giảng viên, số bài thuộc tạp chí Q1 chiếm đến gần 40% tổng số bài CBQT. Đại học đã nằm trong nhóm dẫn đầu về số bài CBQT có uy tín và trung bình bài báo quốc tế trên một giảng viên trong các trường đại học thuộc khối kinh tế và kinh doanh.

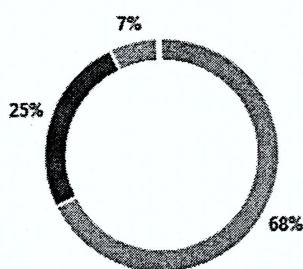
- Hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học: Đại học đã đẩy mạnh công tác hợp tác nghiên cứu quốc tế trong NCKH để nâng cao chất lượng nghiên cứu và gia tăng ảnh

hưởng toàn cầu. Đại học đã phối hợp với các tổ chức quốc tế như IFM; UNDP, WB, ADB, JICA... và các trường đại học trên thế giới tổ chức các Hội thảo, tòa đàm và phối hợp thực hiện nhiều nghiên cứu chung tại Việt Nam. Đại học cũng đã mở rộng việc tổ chức các HTQT phối hợp với các trường/viện nghiên cứu hàng đầu thế giới tại nước ngoài như hội thảo quốc tế thường niên phối hợp với ADBI tại Nhật Bản, hội thảo quốc tế phối hợp với đại học quốc gia Úc tại Úc...

- Hoạt động thông tin nghiên cứu khoa học: Tạp chí Kinh tế và phát triển của Đại học Kinh tế quốc dân giữ vững là tạp chí khoa học kinh tế có uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Ngày 10/12/2023, Tạp chí Kinh tế và Phát triển bản tiếng Anh chính thức được ghi tên vào danh sách các tạp chí thuộc danh mục Scopus. Ngày 27/8/2024, tạp chí tiếp tục được ghi tên vào danh mục các tạp chí mới nổi (ESCI) thuộc Web of Science. Đại học cũng là đầu mối dự án Thư viện điện tử dùng chung do Ngân hàng Thế giới tài trợ, dự án đã giúp Thư viện của Đại học trở thành một trong những thư viện hiện đại, giúp các trường thuộc VNEUs (Mạng lưới các trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh) có được cơ sở dữ liệu phong phú, ngang tầm quốc tế.

3.3. Nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế của Viên chức và Người học

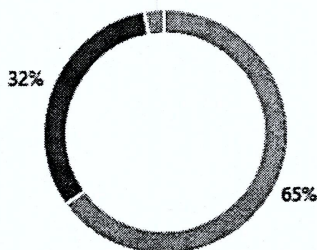
- Người học hiện nay có nhu cầu rõ ràng về môi trường học tập quốc tế hóa, có mong muốn học tập bằng tiếng Anh, nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh, tham gia trao đổi sinh viên quốc tế, hoặc tìm việc thực tập tại các công ty nước ngoài. Tuy nhiên, khả năng tiếng Anh chưa được rèn luyện đầy đủ trong môi trường đại học đã trở thành rào cản. Kết quả khảo sát từ người học (Sinh viên Đại học chính quy các khóa 64,65,66) cho thấy: **28%** sẵn sàng tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh; **62%** sẵn sàng tham gia học các học phần ngành bằng tiếng Anh; **72%** sẵn sàng học tập với tài nguyên số tiếng Anh; **60%** sẵn sàng tham gia hội thảo, sự kiện học thuật bằng tiếng Anh; **45%** sẵn sàng sinh hoạt hành chính bằng tiếng Anh...



- 68% đánh giá mức độ quan trọng của việc sử dụng tiếng Anh là **"Rất quan trọng"**
- 25% đánh giá mức độ quan trọng của việc sử dụng tiếng Anh là **"Quan trọng"**
- 7% đánh giá mức độ quan trọng của việc sử dụng tiếng Anh là **"Bình thường"**

- Cán bộ, giảng viên hiện nay cũng có nhiều chương trình học thuật và tài liệu nghiên cứu chính thường được xuất bản bằng tiếng Anh. Sử dụng thành thạo tiếng Anh giúp viên chức tiếp cận nguồn tri thức phong phú. Kết quả khảo sát từ viên chức cho thấy, trên **70%** viên chức tham gia khảo sát sẵn sàng tham gia các hoạt động để xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh tại Đại học Kinh tế quốc dân như: Giảng dạy bằng

tiếng Anh, tham gia hội thảo bằng tiếng Anh, đào tạo nội bộ về tiếng Anh, soạn thảo văn bản hướng dẫn song ngữ Anh - Việt, hướng dẫn sinh viên học tập chuyên ngành bằng tiếng Anh...



- 65% đánh giá mức độ cần thiết của việc phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai là **"Rất cần thiết"**
- 32% đánh giá mức độ cần thiết của việc phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai là **"Cần thiết"**
- 03% đánh giá mức độ cần thiết của việc phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai là **"Chưa cần thiết"**

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung:

Đưa tiếng Anh trở thành công cụ sử dụng thường xuyên trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Đồng thời hướng tới các mục tiêu, bám sát định hướng chiến lược của Đại học và yêu cầu hội nhập.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo: Tạo bước chuyển biến căn bản trong việc dạy và học ngoại ngữ, giúp sinh viên, giảng viên và viên chức nâng cao trình độ tiếng Anh. Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi sẽ làm nền tảng vững chắc để người học tiếp cận tri thức hiện đại, nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu khoa học và sẵn sàng tham gia môi trường giáo dục quốc tế. Mục tiêu hướng đến là xây dựng NEU trở thành môi trường đào tạo song ngữ, qua đó nâng cao uy tín và vị thế học thuật của nhà trường trong khu vực.

- Đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển nghề nghiệp: Đào tạo sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ hội nhập. Trong bối cảnh nhu cầu tuyển dụng đòi hỏi kỹ năng ngoại ngữ ngày càng cao, sinh viên NEU có trình độ tiếng Anh tốt sẽ mở rộng cơ hội việc làm và thăng tiến nghề nghiệp. Đồng thời, nâng cao mặt bằng ngoại ngữ cũng giúp cán bộ, giảng viên hội nhập vào các hoạt động chuyên môn quốc tế, tham gia mạng lưới nghiên cứu, hợp tác với đối tác nước ngoài.

- Giúp người học và viên chức sử dụng thành thạo tiếng Anh trong mọi hoạt động: Mục tiêu cuối cùng là phần lớn người học, giảng viên có thể giao tiếp, giảng dạy, học tập bằng tiếng Anh một cách tự tin. Tiếng Anh sẽ dần trở thành ngôn ngữ thứ hai bên cạnh tiếng Việt – tức là được dùng phổ biến trong giảng dạy các môn chuyên ngành, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và các hoạt động ngoại khóa.

2. Mục tiêu cụ thể:

- 100% chương trình đào tạo có ít nhất 30% học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh từ năm 2028. Mục tiêu này nhằm:

+ Đảm bảo người học ở tất cả các ngành đều được tiếp cận với môi trường học tập bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên môn, không chỉ giới hạn trong các chương trình tiên tiến, liên kết quốc tế hay các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh;

+ Tạo cơ hội để người học phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong bối cảnh học thuật thực tiễn, nâng cao khả năng tư duy chuyên môn bằng ngoại ngữ;

+ Góp phần bình đẳng hóa cơ hội tiếp cận học tập song ngữ giữa các đơn vị đào tạo trong toàn trường.

Mục tiêu này sẽ được hiện thực hóa thông qua lộ trình cụ thể: trong giai đoạn 2025–2026, thí điểm các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh tại một số khoa/viện; giai đoạn 2027–2028, mở rộng đại trà, đảm bảo mỗi chương trình có ít nhất 5 tín chỉ học phần ngành được giảng bằng tiếng Anh.

- Người học tốt nghiệp Đại học đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B2 hoặc tương đương (IELTS 6.0) theo khung tham chiếu Âu vào năm 2030. Mục tiêu này phản ánh yêu cầu thực tiễn về chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ nhằm đáp ứng điều kiện học tập trong môi trường học thuật sử dụng tiếng Anh rộng rãi cũng như để phù hợp với yêu cầu tuyển dụng và năng lực hội nhập quốc tế của người học sau tốt nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, Đề án sẽ tổ chức các chương trình tăng cường tiếng Anh theo lộ trình: đầu vào khảo sát và xếp lớp; giữa khóa có các học phần tiếng Anh chuyên ngành; cuối khóa hỗ trợ luyện thi và thi chuẩn đầu ra. Đại học đồng thời thiết lập hệ thống đánh giá, kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ để theo dõi và đảm bảo tiến độ.

- Mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh trong toàn bộ hoạt động học thuật và hành chính của Đại học. Từ năm 2025 và xuyên suốt giai đoạn triển khai Đề án, Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ từng bước xây dựng và mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh không chỉ trong giảng dạy mà còn trong hoạt động học thuật, nghiên cứu, giao tiếp và vận hành hành chính. Mục tiêu này bao gồm:

+ Khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong các sự kiện học thuật: seminar, hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ, cuộc thi, diễn đàn sinh viên...;

+ Ứng dụng tiếng Anh trong văn bản hành chính song ngữ (email, bảng tin, hướng dẫn/chỉ dẫn; website, tài liệu hướng dẫn...);

+ Tạo các không gian “English Zone” trong khuôn viên trường – khuyến khích sinh viên, giảng viên giao tiếp bằng tiếng Anh tại một số khu vực, khung giờ nhất định;

+ Nâng tỷ lệ giảng viên, cán bộ có khả năng giao tiếp, làm việc bằng tiếng Anh trong các hoạt động đối ngoại và nội bộ.

- Xây dựng được nền tảng công nghệ & hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ toàn thể viên chức, người học có thể tự học tiếng Anh nâng cao trình độ.

Việc xây dựng một môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên sẽ tạo điều kiện để người học và viên chức rèn luyện ngôn ngữ trong bối cảnh thực tiễn, đồng thời thúc đẩy sự chuyển dịch từ “dạy tiếng Anh” sang “sống cùng tiếng Anh” trong môi trường đại học – hướng đến một văn hóa song ngữ bền vững và tự nhiên.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- Đối tượng: Người học của Đại học Kinh tế quốc dân; Viên chức của Đại học Kinh tế quốc dân.

+ Người học của Đại học Kinh tế quốc dân: Bao gồm sinh viên hệ chính quy đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh đang theo học tại Đại học. Tất cả các sinh viên thuộc các khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở đi đều nằm trong lộ trình ảnh hưởng của đề án. Sinh viên sẽ được hưởng lợi từ chương trình đào tạo tăng cường tiếng Anh và đồng thời phải đáp ứng các chuẩn năng lực tiếng Anh theo từng giai đoạn triển khai.

+ Viên chức của Đại học Kinh tế quốc dân: Bao gồm đội ngũ giảng viên cơ hữu ở tất cả các khoa/viện, cùng cán bộ quản lý, nhân viên hành chính. Đề án hướng đến việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên (để giảng dạy, nghiên cứu) và cán bộ nhân viên (để giao tiếp, quản lý công việc) trong toàn Đại học. Đây là lực lượng nòng cốt triển khai đề án, đồng thời cũng là đối tượng thụ hưởng khi được bồi dưỡng, đào tạo về ngoại ngữ. *(Theo kế hoạch, “người học” và “viên chức” của NEU đều nằm trong phạm vi tác động của đề án)*

- Phạm vi: Áp dụng toàn Đại học, triển khai theo lộ trình từ các đơn vị có điều kiện thuận lợi.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Cần chuyển dịch chương trình và phương pháp dạy – học tiếng Anh từ hướng truyền thống, nặng ngữ pháp – dịch thuật (grammar-translation) sang phương pháp giao tiếp hiện đại và cá nhân hóa, lấy người học làm trung tâm. Trên cơ sở đó, các nội dung sau được đề xuất:

- Xây dựng mô hình học tập kết hợp (blended learning): Kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến qua nền tảng LMS, hệ thống MS Teams, Google Classroom. Sinh viên được tiếp cận bài giảng trước ở nhà (flipped classroom), thời gian trên lớp tập trung thực hành tương tác.

- Ứng dụng công nghệ AI – CNTT trong cá nhân hóa học tập: Sử dụng các phần mềm hỗ trợ luyện phát âm, từ vựng và phản xạ như ELSA Speak, Grammarly, Duolingo, ChatGPT... để đánh giá – phản hồi tức thì, xây dựng lộ trình học tập riêng phù hợp với năng lực và mục tiêu từng sinh viên.

- Tăng cường trải nghiệm thực hành tiếng Anh học thuật (Academic English): Tổ chức các hoạt động viết luận, thuyết trình, phản biện học thuật bằng tiếng Anh – bám sát định hướng chuẩn đầu ra và nhu cầu nghiên cứu khoa học.

- Đa dạng hoá nội dung học liệu và hoạt động lớp học: Thiết kế hoạt động lấy tình huống thực tiễn, bài học mang tính dự án, xây dựng nhóm để thúc đẩy giao tiếp – hợp tác.

D

- Đào tạo nâng cao cho giảng viên tiếng Anh: Về phương pháp giảng dạy hiện đại như CLT (Communicative Language Teaching), TBLT (Task-Based Learning), ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy.

- Tích hợp kiểm tra đánh giá theo hướng chuẩn hóa quốc tế: Tăng cường kiểm tra năng lực tiếng Anh định kỳ theo khung CEFR, kết nối với chuẩn TOEIC/IELTS nhằm khuyến khích sinh viên tự hoàn thiện.

2. Triển khai các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh trong CTĐT

Việc đưa các học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI – English Medium Instruction) vào chương trình đào tạo (CTĐT) không chỉ góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên, mà còn là yêu cầu tất yếu trong tiến trình hội nhập và quốc tế hóa giáo dục đại học. Một số định hướng triển khai cụ thể:

2.1. Thiết kế lộ trình EMI theo từng nhóm chương trình đào tạo

- Với các chương trình liên kết quốc tế và chất lượng cao: đảm bảo tối thiểu 50–100% học phần chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh, tuân thủ chuẩn đầu ra quốc tế đã công bố.

- Với các chương trình đại trà: xây dựng lộ trình nâng dần số lượng học phần EMI theo từng khóa, bắt đầu từ các môn đại cương và học phần ngành có tài liệu tham khảo tiếng Anh phong phú.

2.2. Xây dựng cơ chế lựa chọn học phần và đội ngũ giảng dạy

- Rà soát và lựa chọn các học phần phù hợp để triển khai EMI, ưu tiên các môn: có giảng viên có năng lực tiếng Anh đạt chuẩn, có tài liệu tiếng Anh chất lượng, và sinh viên có khả năng tiếp cận ngôn ngữ chuyên ngành.

- Xây dựng danh sách giảng viên dạy EMI theo tiêu chuẩn nội bộ (năng lực tiếng Anh, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực xây dựng học liệu song ngữ), có chính sách ưu đãi riêng cho nhóm này.

2.3. Đảm bảo điều kiện hỗ trợ người học trong quá trình học EMI

- Tổ chức lớp học tiền đề (pre-course) về từ vựng học thuật chuyên ngành tiếng Anh cho sinh viên năm đầu và sinh viên chưa quen với EMI.

- Cung cấp học liệu song ngữ, bản trình chiếu có từ khóa giải thích, và các video giảng dạy hỗ trợ luyện tập sau lớp học để tránh gây sốc ngôn ngữ với sinh viên.

2.4. Giám sát chất lượng và cải tiến liên tục

- Phòng Khảo thí và ĐBCLGĐ phối hợp cùng các Khoa/Viện tổ chức khảo sát định kỳ về hiệu quả triển khai EMI (từ phía giảng viên và sinh viên), từ đó đề xuất cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề nội bộ về “Phát triển chương trình EMI” để chia sẻ kinh nghiệm, học tập mô hình từ các trường đại học quốc tế đã triển khai thành công.

3. Phát triển đội ngũ nhân lực sử dụng tiếng Anh

Một trong những trụ cột của đề án là xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ – giảng viên đáp ứng yêu cầu triển khai môi trường học thuật song ngữ, đặc biệt là giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh (EMI – English as a Medium of Instruction). Các nội dung đề xuất:

- Xây dựng chuẩn năng lực giảng viên EMI: Bao gồm năng lực tiếng Anh học thuật (tối thiểu B2, ưu tiên C1), năng lực thiết kế và triển khai bài giảng bằng tiếng Anh, kỹ năng điều hành lớp học song ngữ, kỹ thuật sử dụng học liệu quốc tế và tương tác đa văn hóa.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu cho giảng viên giảng dạy bằng tiếng Anh: Ưu tiên giảng viên các đơn vị có chương trình đào tạo quốc tế hoặc có khả năng nhân rộng mô hình EMI (AEP, IBD, QTKD, CNTT...). Nội dung tập huấn gồm: kỹ thuật giảng dạy EMI, phương pháp lồng ghép ngôn ngữ – nội dung (CLIL), đánh giá sinh viên học bằng tiếng Anh, xử lý tình huống lớp học đa trình độ ngôn ngữ.

- Tạo cơ chế khuyến khích và đánh giá giảng viên EMI: Có chính sách hỗ trợ tài chính, giảm định mức, ưu tiên xét thi đua – khen thưởng – nâng hạng chức danh đối với giảng viên thực hiện hiệu quả EMI hoặc hỗ trợ sinh viên học tập bằng tiếng Anh.

- Khuyến khích đội ngũ giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên môn: Hỗ trợ thi chứng chỉ quốc tế (IELTS Academic ≥ 6.5), học bổng ngắn hạn, khóa tập huấn quốc tế về kỹ năng trình bày học thuật bằng tiếng Anh.

- Phát triển đội ngũ hành chính – chuyên viên song ngữ: Đào tạo các bộ phận quản trị, truyền thông, khảo thí, thư viện, tư vấn sinh viên... có khả năng làm việc bằng tiếng Anh, nhằm bảo đảm toàn bộ chu trình học tập – hỗ trợ sinh viên quốc tế và môi trường học thuật quốc tế hóa đồng bộ.

4. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Việc hình thành và duy trì một môi trường học thuật, hành chính và sinh hoạt có yếu tố song ngữ (Việt – Anh) là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của viên chức và sinh viên trong toàn trường. Một số nội dung triển khai cụ thể:

4.1. Thể chế hóa việc sử dụng tiếng Anh trong vận hành nội bộ

- Xây dựng quy định khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong các văn bản hành chính, thông báo nội bộ, bảng hiệu tại các đơn vị, đặc biệt là tại các đơn vị đào tạo quốc tế hoặc có nhiều sinh viên học chương trình EMI.

- Triển khai song ngữ trong hệ thống email nội bộ, bản tin, thông báo học vụ, quy định sinh viên – cán bộ phù hợp với đặc thù từng đơn vị.

4.2. Tổ chức hoạt động học thuật, sinh hoạt có sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học

- Định kỳ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, seminar, workshop bằng tiếng Anh tại từng khoa/viện, đặc biệt là ở các chương trình chất lượng cao, liên kết quốc tế.

- Xây dựng các “góc tiếng Anh” tại thư viện, hành lang học tập, hoặc trong khu sinh viên nội trú, với các poster từ vựng, thành ngữ, tình huống thực hành tiếng Anh.

4.3. Khuyến khích hình thành thói quen và văn hóa sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày

- Phát động các chiến dịch “Ngày tiếng Anh” (English Day), “Tuần giao tiếp tiếng Anh” trong toàn trường, đặc biệt lồng ghép vào các hoạt động phong trào sinh viên, chương trình tình nguyện, trao đổi học thuật quốc tế.

- Tăng cường các hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh, mời chuyên gia, cựu sinh viên quốc tế tham gia giao lưu – chia sẻ – hỗ trợ thực hành tiếng Anh cho sinh viên.

4.4. Ứng dụng công nghệ trong duy trì môi trường học thuật bằng tiếng Anh

- Áp dụng công cụ kiểm tra ngôn ngữ (Grammarly, Quillbot...), phần mềm giao tiếp tiếng Anh ảo (ELSA Speak, AI-based conversation tools) trong hoạt động học và tự học hàng ngày.

- Tích hợp AI vào hệ thống cố vấn học tập ảo, phản hồi tự động trong học vụ – thư viện – tư vấn kỹ thuật giúp sinh viên được “nghe – đọc – tương tác” bằng tiếng Anh thường xuyên.

5. Đầu tư cơ sở vật chất và học liệu:

5.1. Phát triển hệ thống học liệu tiếng Anh chuyên ngành

- Tăng cường mua sắm, cập nhật các cơ sở dữ liệu, sách, tạp chí chuyên ngành bằng tiếng Anh; ưu tiên học liệu phục vụ các ngành đào tạo bằng chương trình tiên tiến, chất lượng cao, liên kết quốc tế.

- Xây dựng bộ học liệu tiếng Anh nội bộ phù hợp với các học phần chuyên ngành phổ biến, trong đó giảng viên chủ động đóng góp học liệu giảng dạy, slide song ngữ, đề thi mẫu bằng tiếng Anh.

5.2. Trang bị cơ sở vật chất phục vụ học tập và giảng dạy ngoại ngữ

- Đầu tư các phòng học chuyên biệt phục vụ đào tạo tiếng Anh: phòng Lab luyện nghe – nói, studio mô phỏng giao tiếp, không gian học nhóm quốc tế.

- Lắp đặt thiết bị tương tác thông minh trong các lớp học EMI để hỗ trợ việc dạy học song ngữ: bảng điện tử, camera ghi hình giảng dạy, phần mềm trình chiếu hai ngôn ngữ song song.

5.3. Phát triển hệ thống thư viện điện tử và không gian học tập mở

- Mở rộng không gian học tập mở tại Thư viện, bố trí khu vực tài nguyên tiếng Anh có hướng dẫn tra cứu, sử dụng, khai thác học liệu điện tử.

- Xây dựng thư viện số nội bộ tích hợp công cụ đọc – dịch – phản hồi trực tuyến giúp sinh viên học tập hiệu quả và tra cứu dễ dàng tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

5.4. Ứng dụng công nghệ để số hóa – cá nhân hóa học liệu

- Hợp tác với các nền tảng học trực tuyến tiếng Anh có tích hợp AI như ELSA, Duolingo, Oxford Learn hoặc các kho học liệu mở (OER) để tạo tài khoản sinh viên toàn trường.

D

- Khuyến khích xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) cho các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh, tích hợp kiểm tra đầu vào – đầu ra, báo cáo tiến độ học và tự luyện tập.

6. Chính sách hỗ trợ và khuyến khích:

6.1. Hỗ trợ giảng viên giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI)

- Áp dụng chính sách giảm định mức giờ chuẩn đối với giảng viên đảm nhiệm học phần EMI; tính hệ số nhân công giờ tương ứng với độ khó của học phần và trình độ tiếng Anh đầu ra của chương trình.

- Có phụ cấp hoặc khen thưởng chuyên biệt cho giảng viên xây dựng học liệu EMI, đóng góp vào đổi mới phương pháp giảng dạy bằng tiếng Anh.

6.2. Khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh

- Cấp học bổng hỗ trợ sinh viên tham gia các khóa học tiếng Anh quốc tế, kỳ thi chứng chỉ (IELTS, TOEIC, TOEFL) hoặc học kỳ trao đổi nước ngoài có sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy.

- Miễn/giảm học phí cho sinh viên học vượt các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh, hoặc hỗ trợ tài chính với sinh viên từ các nhóm hoàn cảnh khó khăn khi đạt thành tích cao trong học tập tiếng Anh.

6.3. Gắn tiếng Anh với chuẩn đầu ra và cơ hội học thuật – nghề nghiệp

- Tăng dần yêu cầu năng lực tiếng Anh như điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên hệ chuẩn và chất lượng cao (theo lộ trình linh hoạt), đồng thời công nhận các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Ưu tiên xét tuyển vào chương trình liên kết, học bổng sau đại học, chương trình trao đổi, tuyển dụng nội bộ... đối với sinh viên – giảng viên có năng lực tiếng Anh cao.

6.4. Công nhận – vinh danh – lan tỏa

- Tổ chức bình chọn và tuyên dương “Giảng viên EMI tiêu biểu”, “Sinh viên sử dụng tiếng Anh xuất sắc” cấp khoa, viện và cấp trường hằng năm.

- Công bố bảng xếp hạng tiếng Anh (English Ranking NEU) theo từng nhóm ngành hoặc đơn vị nhằm tạo động lực học tập và rèn luyện trong toàn trường.

7. Xây dựng nền tảng CNTT và hệ sinh thái Trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ học tập, sử dụng tiếng Anh nâng cao trình độ cho viên chức & người học

7.1. Phát triển hệ sinh thái số học tập tiếng Anh

- Xây dựng một hệ sinh thái học tập tiếng Anh toàn diện, tích hợp các nền tảng LMS, phần mềm luyện kỹ năng, hệ thống kiểm tra đánh giá trực tuyến, ngân hàng đề thi và phản hồi học tập.

- Tạo lập tài khoản truy cập riêng cho sinh viên trên các nền tảng học tiếng Anh nổi tiếng như: Coursera, EDX, ELSA, Grammarly, Oxford Online, Cambridge Learning Hub.

7.2. Ứng dụng AI để cá nhân hóa quá trình học tập

- Áp dụng AI trong phân tích năng lực sinh viên, đề xuất lộ trình học tiếng Anh theo trình độ thực tế, phong cách học và mục tiêu cá nhân.

- Phát triển các chatbot hỗ trợ học tập 24/7 (trợ lý học tiếng Anh ảo) giúp sinh viên luyện phản xạ ngôn ngữ, tra cứu học liệu và giải đáp thắc mắc nhanh chóng.

7.3. Số hóa và tự động hóa hoạt động giảng dạy tiếng Anh

- Triển khai hệ thống quản trị bài giảng, kiểm tra đánh giá tiếng Anh bán tự động, tích hợp AI chấm thi, phản hồi bài viết và chấm nói theo chuẩn quốc tế.

- Khuyến khích giảng viên xây dựng học phần tiếng Anh dạng hybrid (kết hợp trực tuyến – trực tiếp), trong đó có ứng dụng công nghệ tương tác thực tế ảo (AR/VR) hoặc học tập qua mô phỏng.

7.4. Kết nối dữ liệu liên ngành – liên hệ sinh viên – giảng viên – quản trị

- Tích hợp kết quả học tập tiếng Anh, mức độ tương tác với học liệu số, đánh giá từ AI vào hệ thống quản lý đào tạo để hỗ trợ tư vấn học tập, phản hồi và hỗ trợ sinh viên theo thời gian thực.

- Xây dựng dashboard theo dõi tiến độ tiếng Anh toàn Đại học (cho từng khoa, ngành, nhóm đối tượng) để phục vụ giám sát, hoạch định chính sách.

V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI (2025–2030)

Việc triển khai Đề án được thực hiện theo lộ trình 5 năm nhằm đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực triển khai của Đại học. Lộ trình cụ thể như sau:

1. Năm 2025:

- Hoàn thiện và ban hành Đề án trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan.
- Tiến hành khảo sát thực trạng năng lực tiếng Anh của người học và viên chức, mức độ sẵn sàng triển khai môi trường học thuật song ngữ.
- Xây dựng bộ công cụ đánh giá và các tiêu chí giám sát việc sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy, học tập và quản trị.

2. Giai đoạn 2026–2027:

- Tổ chức thí điểm các học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI) tại một số khoa/viện có điều kiện thuận lợi.
- Triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn giảng viên và cán bộ hành chính về năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy song ngữ.
- Xây dựng hệ thống hỗ trợ người học trong học tập chuyên môn bằng tiếng Anh: học liệu song ngữ, lớp tiền đề (pre-course), nền tảng học tập trực tuyến.

3. Năm 2028:

- Mở rộng quy mô triển khai EMI trong toàn Đại học; đảm bảo mỗi chương trình đào tạo có tối thiểu 30% học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.
- Tăng tốc tích hợp tiếng Anh vào các hoạt động học thuật, nghiên cứu và hành chính.

- Chính thức đưa tiếng Anh trở thành yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo, gắn với chuẩn đầu ra, đánh giá định kỳ và công nhận học thuật.

4. Giai đoạn 2029–2030:

- Tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Đề án; tổ chức hội nghị chuyên đề rút kinh nghiệm và chia sẻ mô hình triển khai.

- Chuẩn hóa các hoạt động sử dụng tiếng Anh trong đào tạo, nghiên cứu và quản trị.

- Chính thức áp dụng mô hình Đại học song ngữ, hướng tới môi trường học thuật sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai ổn định và bền vững sau năm 2030.

VI. KINH PHÍ VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Để đảm bảo triển khai hiệu quả các nội dung và mục tiêu của Đề án, nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất sẽ được huy động từ nhiều kênh:

- Ngân sách Đại học: Ưu tiên bố trí trong kế hoạch tài chính trung hạn, đặc biệt là cho các hoạt động bồi dưỡng giảng viên, phát triển chương trình EMI, đầu tư cơ sở vật chất và học liệu.

- Tài trợ và hợp tác quốc tế: Tìm kiếm tài trợ từ các tổ chức quốc tế (như ADB, WB, JICA, Erasmus+,...); các tổ chức giáo dục – khoa học – ngoại giao có liên quan đến việc nâng cao năng lực ngôn ngữ và quốc tế hóa giáo dục đại học.

- Nguồn lực xã hội hóa: Thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo – nghiên cứu với doanh nghiệp, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước. Kêu gọi sự tham gia và đồng hành của cựu sinh viên, mạng lưới đối tác doanh nghiệp trong việc tài trợ học bổng tiếng Anh, lớp học kỹ năng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

VII. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Công tác giám sát và đánh giá là thành phần then chốt nhằm đảm bảo Đề án được triển khai đúng mục tiêu, đúng tiến độ và tạo được tác động thực chất đến năng lực tiếng Anh của người học và môi trường học thuật của Nhà trường. Hoạt động này được xây dựng theo hướng liên tục – nhiều tầng – có căn cứ dữ liệu, trên cơ sở lồng ghép vào hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ hiện có của Đại học.

1. Mục tiêu của công tác giám sát và đánh giá

- Đo lường mức độ đạt được của các mục tiêu đặt ra trong Đề án, bao gồm: năng lực tiếng Anh của người học và viên chức, tỷ lệ học phần dạy bằng tiếng Anh, mức độ sử dụng tiếng Anh trong môi trường học thuật và hành chính.

- Cung cấp thông tin phản hồi có hệ thống để hỗ trợ việc điều chỉnh chiến lược, chính sách và kế hoạch triển khai ở cấp độ Đại học và đơn vị.

- Là cơ sở cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn bị cho việc tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: AUN-QA, FIBAA, AACSB...).

2. Bộ tiêu chí đánh giá chính

2.1 Đánh giá năng lực đầu ra tiếng Anh của người học

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tối thiểu B2 hoặc tương đương (IELTS 5.5 trở lên).

- Tỷ lệ sinh viên từng chương trình đào tạo đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo lộ trình.

- Kết quả khảo sát định kỳ (giữa khóa, cuối khóa) về năng lực tiếng Anh học thuật và khả năng học tập bằng tiếng Anh.

2.2 Đánh giá mức độ sử dụng tiếng Anh trong hoạt động đào tạo – nghiên cứu – quản trị

- Tỷ lệ học phần chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI) trên tổng số học phần.

- Tỷ lệ giảng viên thực hiện giảng dạy bằng tiếng Anh trong học kỳ/năm học.

- Tần suất tổ chức các hội thảo, seminar, tọa đàm bằng tiếng Anh trong năm học.

- Mức độ sử dụng tiếng Anh trong các văn bản hành chính, website, email, hướng dẫn nội bộ.

2.3 Đánh giá hiệu quả hỗ trợ và tác động

- Mức độ hài lòng của người học và giảng viên về chương trình giảng dạy EMI, môi trường học thuật song ngữ.

- Tỷ lệ viên chức, giảng viên được bồi dưỡng – đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hằng năm.

- Số lượng học liệu, bài giảng, học phần tiếng Anh xây dựng mới hoặc cải tiến.

- Mức độ sử dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ học tiếng Anh (AI, LMS, chatbot học thuật...).

3. Phương pháp và công cụ giám sát

3.1 Định lượng:

- Báo cáo thống kê kết quả học tập, số học phần EMI, tỷ lệ giảng viên dạy bằng tiếng Anh.

- Kết quả kiểm tra năng lực ngoại ngữ định kỳ (IELTS mock test, CEFR-based assessments).

- Chỉ số truy cập và sử dụng hệ thống học tập trực tuyến, thư viện số tiếng Anh.

3.2 Định tính:

- Khảo sát trải nghiệm người học và giảng viên về các hoạt động học thuật bằng tiếng Anh.

- Phỏng vấn chuyên sâu với đại diện khoa/viện, đơn vị chức năng.

- Quan sát lớp học, đánh giá hồ sơ bài giảng, học liệu EMI.

- Số hóa công cụ đánh giá: Xây dựng dashboard quản lý chất lượng tiếng Anh, tích hợp từ dữ liệu đào tạo, khảo thí, học vụ và thư viện để giám sát theo thời gian thực và xuất báo cáo nhanh.

4. Cơ chế báo cáo và phản hồi

A

- Cấp đơn vị: Các khoa/viện, trung tâm đào tạo có trách nhiệm tự đánh giá hàng năm về việc triển khai các nội dung liên quan đến Đề án và nộp báo cáo về Phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

- Cấp Đại học: Ban chỉ đạo Đề án tổ chức họp định kỳ hằng năm để: Tổng hợp báo cáo giám sát; Đưa ra khuyến nghị điều chỉnh chính sách hoặc phân bổ nguồn lực; Lựa chọn các mô hình tốt để nhân rộng và chia sẻ.

- Phản hồi đa chiều: Tăng cường vai trò của sinh viên và giảng viên trong việc cung cấp phản hồi, góp ý cải tiến học phần EMI và các hoạt động học thuật tiếng Anh.

5. Cơ chế điều chỉnh và đảm bảo cải tiến liên tục

- Thiết lập chu kỳ giám sát – phản hồi – điều chỉnh hàng năm

- Cập nhật và hiệu chỉnh bộ tiêu chí, công cụ giám sát hàng năm để phù hợp với tình hình triển khai và bối cảnh quốc tế.

- Liên kết đánh giá Đề án với các tiêu chí KPI phát triển chiến lược của Đại học, gắn trách nhiệm triển khai với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

VIII. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang tái định hình sâu sắc không gian giáo dục đại học, việc phát triển tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai tại Đại học Kinh tế Quốc dân không chỉ là một xu thế tất yếu, mà còn là chiến lược nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh học thuật, mở rộng ảnh hưởng quốc tế và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động toàn cầu.

Tiếng Anh – với vai trò là ngôn ngữ học thuật phổ quát – đã và đang trở thành công cụ tri thức không thể thiếu trong đào tạo, nghiên cứu và kết nối quốc tế. Trong các mô hình đại học nghiên cứu tiên tiến, việc sử dụng tiếng Anh không chỉ dừng lại ở hoạt động giảng dạy ngôn ngữ, mà còn là phương tiện cấu thành môi trường học thuật toàn diện, nơi tri thức được sản sinh, trao đổi và lan tỏa ở quy mô quốc tế. Do đó, đưa tiếng Anh từ vị thế một môn học ngoại ngữ trở thành một ngôn ngữ sử dụng thường xuyên, song hành cùng tiếng Việt trong đời sống học thuật là bước chuyển có tính hệ thống, dài hạn và tạo lập nền tảng cho sự phát triển bền vững của nhà trường trong thập kỷ tới.

Sự thành công của Đề án sẽ không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường, mà còn góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực toàn cầu, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng trong môi trường quốc tế hóa sâu rộng – đúng với sứ mệnh và tầm nhìn phát triển Đại học Kinh tế Quốc dân trong giai đoạn 2025–2035.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Đề án được phê duyệt, các đơn vị chức năng, khoa/viện, trung tâm trong toàn Đại học xây dựng kế hoạch cụ thể và chủ động tổ chức triển khai các nội dung phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Hằng năm, tổ chức đánh giá tiến độ thực hiện, rút kinh nghiệm, cập nhật nội dung và phân bổ nguồn lực hợp lý. Các hoạt động đánh giá bao gồm báo cáo tự đánh giá của đơn vị, khảo sát người học và kiểm tra định kỳ.

3. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị thường trực, giúp Ban Giám đốc Nhà trường theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai, điều phối liên ngành và đề xuất giải pháp điều chỉnh kịp thời để đảm bảo tính nhất quán, hiệu quả và đồng bộ trong toàn trường.

GIÁM ĐỐC 

GS.TS Phạm Hồng Chương